

Số: 109 /QĐ-SAF

TP.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
các gói thầu thuộc kế hoạch Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022
(XN CBTP Nam Phong)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CHĂN NUÔI VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM SÀI GÒN

Căn cứ quyết định số 32/QĐ-TCT ngày 06/04/2007, quyết định số 138/QĐ-TCT ngày 21/05/2015, quyết định số 175/QĐ-TCT ngày 16/06/2015, quyết định số 150/QĐ-TCT ngày 25/06/2021 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý, điều hành Công ty Chăn nuôi và chế biến thực phẩm Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-TCT ngày 01/06/2021 của Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH MTV về việc ban hành quy định về lựa chọn nhà thầu cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu vật tư, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – TNHH Một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-SAF ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Công ty Chăn nuôi và Chế biến thực phẩm Sài Gòn về việc thành lập Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định nội bộ để thẩm định Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022 (XN CBTP Nam Phong) lập ngày 16 tháng 01 năm 2021;

Căn cứ Tờ trình số 35/TTr-SAF-NP ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Nhà máy Thức ăn Chăn nuôi - Công ty Chăn nuôi và Chế biến thực phẩm Sài Gòn về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022 (XN CBTP Nam Phong);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 39 /BCTĐ-TTĐNB-SAF ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định nội bộ về việc thẩm định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022 (XN CBTP Nam Phong);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022 (XN CBTP Nam Phong), với các nội dung sau:

1. Tên kế hoạch: **Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022 (XN CBTP Nam Phong)** /

2. Tổng dự toán: **5.237.485.000đồng** (Bằng chữ: Năm tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng). /
3. Chủ đầu tư: Chi nhánh Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn TNHH MTV - Công ty chăn nuôi và chế biến thực phẩm Sài Gòn. /
4. Nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh của đơn vị.
5. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Nam Phong, Phòng Kế hoạch đầu tư, Tổ chuyên gia và Tổ thẩm định nội bộ, các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Tổ thẩm định nội bộ, Trưởng các phòng có liên quan và Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Nam Phong chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BGĐ CTY;
- Lưu VT;
- BBT TCT;
- BBT Sagrifood.

Luat **GIÁM ĐỐC** *Luat*



Luat





PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
Các gói thầu Thuê dịch vụ vận chuyển năm 2022 (XN CBTP Nam Phong)

(Kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-SAF ngày 19 tháng 01 năm 2022)

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Các gói thầu Dịch vụ năm 2022							
1	Dịch vụ vận chuyển heo hơi	2.359.060.000						
1.1	Lộ trình Cù Chi- XN TP Sagri (≤ 50 con)	257.400.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
1.2	Lộ trình Cù Chi- XN TP Sagri (51 con ≤ SLVC ≤ 100 con)	594.000.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
1.3	Lộ trình Đăk nông – XN TP Sagri (≤ 50 con)	264.000.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
1.4	Lộ trình Đăk nông – XN TP Sagri (51 con ≤ SLVC ≤ 100 con)	132.000.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
1.5	Lộ trình Bình Thuận – XN TP Sagri (≤ 50 con)	204.160.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
1.6	Lộ trình Bình Thuận – XN TP Sagri (51 con ≤ SLVC ≤ 100 con)	907.500.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
2	Dịch vụ vận chuyển bằng xe bảo ôn (heo mảnh)	1.195.425.000						
2.1	Lộ trình XN TP Sagri – XN CBTP Nam Phong (SLVC ≤ 42 mảnh)	412.500.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Báo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
2.2	Lộ trình XN TP Sagri – XN CBTP Nam Phong (42 mảnh ≤ SLVC ≤ 100 mảnh)	594.000.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Bảo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
2.3	Lộ trình XN TP Sagri – đi các điểm bán trong TP.HCM + TP. Thủ Đức (trừ các điểm ở Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn, Q.12, Q. Bình Tân) giao 3 điểm đầu, điểm thứ 4 trở lên 88.000đ/điểm (có VAT)	127.875.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Bảo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
2.4	Lộ trình XN TP Sagri – đi các điểm bán trong TP.HCM (Củ Chi, Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn, Q.12, Q. Bình Tân (giao 3 điểm đầu, điểm thứ 4 trở lên + 88.000đ/điểm (có VAT)	54.450.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Bảo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
2.5	Lưu xe trữ heo mảnh (từ 1 đến 3h/xe/lần)	6.600.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Bảo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
3	Dịch vụ Vận chuyển bằng xe bảo ôn 2 (vận chuyển TPTS, TPCB)	1.683.000.000						
3.1	Lộ trình XN CBTP Nam Phong – Các điểm bán trong TP.HCM/ Tổng kho Sài Gòn	742.500.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Bảo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022

TT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
	Coop (Bình Dương) (150kg ≤ SLVC ≤ 500kg/chuyến)							
3.2	Lộ trình XN CBTP Nam Phong – Các điểm bán trong TP.HCM/ Tổng kho Sài Gòn Coop (Bình Dương) (500kg ≤ SLVC ≤ 1000kg/chuyến)	940.500.000	Sản xuất kinh doanh của đơn vị	Bảo giá cạnh tranh		T01.2022	Theo đơn giá cố định	Từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến 31/12/2022
Tổng gói thầu		5.237.485.000 đồng ✓						